

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST.

Ngày: 17 - 4 - 2025 .

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung, Bà Lê Thị Ánh Sáng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 410/2024/TLST-DS ngày 22/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-DS ngày 01/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: A T, P. L, Q. H, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Minh T, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 (văn bản uỷ quyền số 3828/QĐ-BIDV ngày 01/7/2024).

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Quốc T1, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân; Địa chỉ: Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Đ1 - Số A, L, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (văn bản uỷ quyền số 1483/QĐ-BIDV.ĐĐN ngày 30/10/2024)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ L1, sinh năm 1981

Địa chỉ thường trú: Thôn K, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: H N, Phường F, Quận A, TP . (Phường G cũ).

(Ông T1 có mặt, bà L1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, các biên bản làm việc tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là Ngân hàng) có ông Nguyễn Quốc T1 làm đại diện trình bày:

Vào ngày 06/01/2022, Ngân hàng TMCP Đ và bà Lê Thị Mỹ L1 đã ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2021/16747582/HĐTD với các thoả thuận như sau: Ngân hàng cho bà L1 vay số tiền 8.500.000.000 đồng (tám tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích vay: thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất trong hạn là 8%/năm (được áp dụng đến ngày 07/01/2023) và sau đó điều chỉnh 06 tháng một lần vào ngày 01 của tháng điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh, trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn trong thời gian 36 tháng, Ngân hàng thu hồi phần lãi suất đã hỗ trợ cho khách hàng theo lãi suất thông thường tương ứng theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân (9,7%/năm). Lãi suất nợ quá hạn là 110% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lịch trả nợ gốc, lãi: Gốc trả trong 240 kỳ, mỗi kỳ 1 tháng, trong đó 239 kỳ đầu mỗi kỳ trả đều với số tiền gốc 35.400.000 đồng vào ngày 26 hàng tháng, kỳ cuối cùng (kỳ 240) trả 39.400.000 đồng vào ngày đến hạn của hợp đồng, lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bà L1 đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/16747582/HĐBĐ ngày 06/01/2022 đối với Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 759383 do UBND huyện L cấp ngày 01/6/2021, số vào sổ GCN: CH 29398 đứng tên bà Lê Thị Mỹ L1, thửa đất số 588, tờ bản đồ số 69, diện tích 1.400 m² tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai và hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/16747582/HĐBĐ ngày 23/03/2022 đối với Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 459837 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/01/2022, số vào sổ GCN: CS 06851 đứng tên bà Lê Thị Mỹ L1, thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30, diện tích 943,5 m² tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai được công chứng số 6584 quyền số 03/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/3/2022 và đăng ký thế chấp ngày 23/3/2022.

Thực hiện hợp đồng, ngày 07/01/2022 Ngân hàng giải ngân cho bà L1 số tiền 8.500.000.000 đồng (tám tỷ năm trăm triệu đồng) theo bảng kê rút vốn ngày 07/01/2022. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L1 đã trả cho Ngân hàng được số tiền 5.407.234.374 đồng (trong đó: trả nợ gốc là 4.377.800.000 đồng, trả nợ lãi là 1.029.434.374 đồng) nên ngày 21/3/2022 Ngân hàng đã đồng ý để bà L1 rút bớt một phần tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 759383 do UBND huyện L cấp ngày 01/6/2021, số vào sổ GCN: CH 29398 đứng tên bà Lê Thị Mỹ L1, thửa đất số 588, tờ bản đồ số 69, diện tích 1.400 m² tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Tuy nhiên, kể từ ngày 26/4/2024 đến nay bà L1 không trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của bà L1 sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Mỹ L1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 17/4/2025 là 4.547.179.467 đồng

(trong đó nợ gốc là 4.122.200.000đ, nợ lãi trong hạn là 413.436.252đ, lãi phạt quá hạn lãi là 11.543.215đ) và bà L1 phải trả tiếp toàn bộ tiền lãi, phí phát sinh sau ngày 17/4/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất, phí đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2021/16747582/HĐTD ngày 06/01/2022 và bảng kê rút vốn số 01/2021/16747582/HĐTD ngày 07/01/2022.

Trường hợp bà Lê Thị Mỹ L1 không thanh toán hết toàn bộ số tiền nêu trên, đề nghị Q tòa tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản đang thế chấp là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 459837 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/01/2022, số vào sổ GCN: CS 06851 đứng tên bà Lê Thị Mỹ L1, thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30, diện tích 943,5 m² tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Tài sản đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/16747582/HĐBĐ ngày 23/03/2022.

Tại bản tự khai ngày 28/02/2025 bị đơn bà Lê Thị Mỹ L1 trình bày:

Vào năm 2022 bà L1 có vay Ngân hàng TMCP Đ số tiền 8.500.000.000 đồng (tám tỷ năm trăm triệu đồng), theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/16747582/HĐTD ngày 06/01/2022, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất 8%/năm và sau đó điều chỉnh 06 tháng một lần. Tài sản thế chấp cho khoản vay là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 459837 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/01/2022, số vào sổ GCN: CS 06851 đứng tên bà Lê Thị Mỹ L1, thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30, diện tích 943,5 m² tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Tính đến ngày 21/6/2024 bà đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền 5.407.234.374 đồng (trong đó: trả nợ gốc là 4.377.800.000 đồng, trả nợ lãi là 1.029.434.374 đồng) và hiện còn nợ Ngân hàng nợ gốc và lãi tạm tính tính đến ngày 21/06/2024 là 4.216.777.357 đồng (trong đó: Nợ gốc là 4.122.200.000 đồng, nợ lãi là 94.577.357 đồng).

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/06/2024 là 4.216.777.357 đồng và toàn bộ tiền lãi, phí phát sinh từ sau ngày 21/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất, phí đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2021/16747582/HĐTD ngày 06/01/2022 và bảng kê rút vốn số 01/2021/16747582/HĐTD ngày 07/01/2022 bà đồng ý; Nếu bà không thanh toán được số tiền trên thì bà đồng ý dùng tài sản thế chấp trên để phát mãi thu hồi nợ cho Ngân hàng. Do bận công việc, đường xa, bà cũng đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa khi tiến hành tố tụng đúng quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị Mỹ L1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/4/2025 là 4.547.179.467 đồng (trong đó

nợ gốc là 4.122.200.000đ, nợ lãi trong hạn là 413.436.252đ, lãi phạt quá hạn lãi là 11.543.215đ) và bà L1 phải tiếp tục trả toàn bộ tiền lãi, phí phát sinh sau ngày 17/4/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất, phí đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2021/16747582/HĐTD ngày 06/01/2022 và bảng kê rút vốn số 01/2021/16747582/HĐTD ngày 07/01/2022.

Tài sản đảm bảo thi hành án là: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 459837 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/01/2022, số vào sổ GCN: CS 06851 đứng tên bà Lê Thị Mỹ L1, thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30, diện tích 943,5 m² tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện bà Lê Thị Mỹ L1 trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù bà L1 có địa chỉ thường trú tại: Thôn K, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế và có địa chỉ liên lạc tại: H N, Phường F, Quận A, TP . (Phường G cũ) nhưng tại hợp đồng tín dụng ngày 06/01/2022 các bên đã thỏa thuận nếu có tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ L1 đã được Tòa án nhân dân huyện Long Thành triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về việc nguyên đơn yêu cầu bà L1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 17/4/2025 là 4.547.179.467 đồng (trong đó nợ gốc là 4.122.200.000đ, nợ lãi là 424.979.467đ) và bà L1 tiếp tục phải trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 18/4/2025 cho đến khi bà L1 thanh toán xong khoản nợ.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng số 01/2021/16747582/HĐTD ngày 06/01/2022 được ký kết giữa Ngân hàng với bà L1 trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ vào quy định tại Điều 117, 401 Bộ luật dân sự hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận Ngân hàng đã giải ngân cho bà L1 đủ số tiền 8.500.000.000 đồng và trong quá trình thực hiện hợp đồng bà L1 đã trả cho Ngân hàng được số tiền 5.407.234.374 đồng (trong đó: trả nợ gốc là 4.377.800.000 đồng, trả nợ lãi là 1.029.434.374 đồng). Tuy nhiên, từ ngày 26/4/2024 đến nay bà L1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, nay nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L1 phải trả lại toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 17/4/2025 là 4.547.179.467 đồng (trong đó nợ gốc là 4.122.200.000đ, nợ lãi là 424.979.467đ) và

bà L1 tiếp tục phải trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 18/4/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2021/16747582/HĐTD ngày 06/01/2022 cho đến khi bà L1 thanh toán xong khoản nợ là có cơ sở chấp nhận.

- Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho các khoản vay trên, bà L1 đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/16747582/HĐBĐ ngày 23/3/2022 đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30, diện tích 943,5 m² tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 459837 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/01/2022 cho bà Lê Thị Mỹ L1 đứng tên, hợp đồng thế chấp được công chứng ngày 23/3/2022 tại Văn phòng C, số công chứng 6584 quyền số 03/2022TP/CC-SCC/HĐGD, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo hồ sơ số 003444.TC.019 ngày 23/3/2022.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành ghi nhận thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30, diện tích 943,5 m² tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai là đất trống, không có công trình xây dựng, không có cây trồng gì trên đất.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất trên được giao kết tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về thế chấp tài sản theo quy định tại các Điều 117, 319 Bộ luật dân sự 2015, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Hợp đồng được công chứng đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; tài sản trên đã được Ngân hàng đăng ký thế chấp đúng theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai 2013 nên tài sản trên được dùng phát mãi để đảm bảo thi hành án trong trường hợp bà L1 không thanh toán được tiền nợ cho Ngân hàng.

[4] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà L1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 1000.000 đồng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền này nên bà L1 phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng số tiền 1000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Mỹ L1 phải chịu số tiền 112.547.179 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 401 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng

một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với bà Lê Thị Mỹ L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Lê Thị Mỹ L1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến hết ngày 17/4/2025 là 4.547.179.467 đồng (trong đó nợ gốc là 4.122.200.000đ, nợ lãi trong hạn là 413.436.252đ, lãi phạt quá hạn lãi là 11.543.215đ)

Kể từ ngày 18/4/2025, bà Lê Thị Mỹ L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2021/16747582/HĐTD ngày 06/01/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bà L1 không trả được khoản nợ trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 943,5 m² thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30 tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 459837 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/01/2022, số vào sổ GCN: CS 06851 đứng tên bà Lê Thị Mỹ L1 tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/16747582/HĐBĐ ngày 23/03/2022 được dùng đảm bảo thi hành án.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Lê Thị Mỹ L1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 1000.000 đồng. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền trên nên bà L1 phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 1000.000 đồng.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L1 phải chịu số tiền 112.547.179 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.108.000 đồng theo biên lai thu số 0016428 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

4. Ngân hàng TMCP Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Mỹ L1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Thành.
- Chi cục THA.DS huyện Long Thành.
- Các đương sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu: HS, VP, TP.

Trần Nhật Lệ

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nhật L2